

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 20-9-2024  
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Trung Hiếu và bà Trần Thị Đàm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hồng Quyên –Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái:** Bà Nguyễn Thị Thu Hà- Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023, về việc "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ông Lâm Văn T-SN 1986**

Địa chỉ: Thôn Ba Ch, xã Vĩnh K, huyện Yên B, tỉnh Yên Bái  
(Vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: **Bà Phạm Thị Tuyết D**, sinh 25/4/1985.

Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam;

Số hộ chiếu: C9068211;

Ngày cấp: 12/03/2020; có giá trị đến 12/03/2030

Nơi cấp Cục xuất nhập cảnh

Địa chỉ trong nước: Thôn Ba Ch, xã Vĩnh K, huyện Yên B, tỉnh Yên Bái

Địa chỉ hiện nay do ông T cung cấp: Số 72 Kokamoch, Nakamur, Nagoy, Ai Chi, Nhật Bản

(Vắng mặt không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 12 năm 2023, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn ông Lâm Văn T trình bày:

Ông Lâm Văn T kết hôn với bà Phạm Thị Tuyết D vào ngày 29 tháng 7 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã Ea K, huyện Cư K, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng được một năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân tính tình không phù hợp, thường xuyên nói nhau nên tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Đến tháng 6 năm 2022 thì bà D đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản có địa chỉ 72 Kokamoch, Nakamur, Nagoy, Ai Chi, Nhật Bản. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn bà Phạm Thị Tuyết D.

Về con chung: Ông T xác định không có con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Ông T xác định vợ chồng ông không có tài sản chung và

nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Do ông T không có giấy tờ tùy thân của bà D nên ông T chỉ có thể cung cấp cho Tòa án bản hộ chiếu phô tô của bà D, ông T từ chối hoà giải, xin được phép vắng mặt tại phiên tòa.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn là bà Phạm Thị Tuyết D vắng mặt, ông Lâm Văn T đã cung cấp địa chỉ khi bà D đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, Tòa án đã uỷ thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của Nhật Bản để tổng đạt và thu thập chứng cứ nhưng đến ngày 16/8/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái nhận được văn bản uỷ thác của Nhật Bản là không thể thực hiện được uỷ thác tư pháp vì địa chỉ của bà D không đầy đủ, ông T cũng không thể thực hiện được việc cung cấp địa chỉ mới của bà D đã đề nghị Tòa án tiến hành thông báo công khai thông tin vụ án trên Đài truyền thanh Trung ương qua kênh dành cho người nước ngoài trong ba ngày liên tiếp với nội dung đề nghị bà D về Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái để giải quyết vụ án ly hôn, nhưng đến nay bà D vẫn không về Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái để giải quyết việc ly hôn theo yêu cầu của Tòa án.

Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, các thành viên khác trong Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình chuẩn bị xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123, khoản 1 Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, điểm d Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27; Điều 44 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn T được ly hôn bà Phạm Thị Tuyết D.

- Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm và lệ phí uỷ thác tư pháp: Ông T phải chịu.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình có đương sự hiện đang cư trú tại nước ngoài, có phát sinh uỷ thác tư pháp tại nước ngoài, là vụ án có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái. Sau khi thực hiện uỷ thác tư pháp không thành, theo đề nghị của đương sự Tòa án đã thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài của Đài phát thanh trung ương trong ba ngày liên tiếp theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 474 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ông Lâm Văn T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Xét yêu cầu của ông Lâm Văn T: Ông Lâm Văn T và bà Phạm Thị Tuyết D kết hôn với nhau vào ngày 29 tháng 7 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã Ea K, huyện Cư K, tỉnh Đắk Lắk, trên cơ sở tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của ông T và bà D đã mâu thuẫn thể hiện là sau khi kết hôn được 01 năm thì bà D đi xuất khẩu lao động, đã không còn liên lạc với ông T và cũng không cung cấp địa chỉ nơi mình đang sinh sống, điều đó thể hiện đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân

không đạt được, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của ông Lâm Văn T được ly hôn bà Phạm Thị Tuyết D.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án có nhận được một số đơn khởi kiện đề tên bà Phạm Thị Tuyết D khởi kiện ông Lâm Văn T về việc hai vợ chồng ông bà có một số khoản nợ, Toà án đã triệu tập bà D tới theo đúng địa chỉ bà cung cấp trong đơn và địa chỉ ghi trên phong bì bưu điện, nhưng bà D không tới và ông T cũng xác định chữ ký trong đơn không phải là chữ ký của bà D, nên Toà án đã trả lại đơn khởi kiện và không xem xét tới nội dung này.

[3] Về lệ phí tố tụng: Ông Lâm Văn T phải chịu tiền chi phí uỷ thác và chi phí tố tụng về việc yêu cầu Tòa án thông tin vụ án trên phương tiện thông tin đại chúng.

[4] Về án phí: Ông Lâm Văn T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 3 Điều 35, Điều 147, Điều 180, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 474, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 44 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lâm Văn T được ly hôn bà Phạm Thị Tuyết D.

2. Về chi phí uỷ thác và chi phí tố tụng: Ông Lâm Văn T phải chịu 3.400.000đ chi phí uỷ thác tư pháp nhưng được trừ vào số tiền 3.400.000đ theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000013 ngày 22 tháng 01 năm 2024; số AA/2023/0000012 ngày 22 tháng 01 năm 2024; số AA/2023/0000014 ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái và 4.500.000đ tiền chi phí tố tụng đăng trên Đài phát thanh trung ương (theo phiếu thu).

3. Về án phí: Ông Lâm Văn T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000003 ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái (Ông T đã nộp đủ án phí).

Án xử sơ thẩm công khai, ông T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết; bà Phạm Thị Tuyết D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được công khai Đài phát thanh trung ương theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- Vụ GDKT3-TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái;
- UBND xã Ea K, huyện Cư K, tỉnh Đắk Lắk
- Các đương sự;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**



**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

**Đỗ Thu Hương**

